TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST Ngày 26 - 7 - 2022 "V/v tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Dương Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Ngô Kim C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp1, xã Tr, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2022, nguyên đơn anh Mai V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị C tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm và đã ly thân hơn 10 năm nay. Vì vậy, anh V yêu cầu ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh và chị C có 01 người con tên Mai Khả Nh sinh ngày 28/4/2007, hiện do chị C đang nuôi dạy. Khi ly hôn, anh V thống nhất giao cháu Nh cho chị C nuôi dạy và anh cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh V xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại đơn trình bày ý kiến ngày 05/7/2022, bị đơn chị Ngô Kim C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh V chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã nhau và đã ly thân từ năm 2010. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V.

- Về con chung: Chị C xác định chị và anh V có 01 người con tên Mai Khả Nh sinh ngày 28/4/2007, hiện do chị C đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Mai V và chị Ngô Kim C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V, chị C.

[2] Về hôn nhân: Anh Mai V và Ngô Kim C chung sống với nhau vào năm 2004, anh chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2022 anh V yêu cầu được ly hôn với chị C; tại đơn trình bày ý kiến ngày 05/7/2022 chị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Mai V với chị Ngô Kim C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh V và chị C có con chung tên Mai Khả Nh sinh ngày 28/4/2007, hiện cháu Nh do chị C đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh V tự nguyện giao cháu Nhi cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng; đối với chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh V và chị C ly thân cho đến nay cháu Nh do chị C trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nh vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Nh cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với yêu cầu của chị C; vấn đề cấp dưỡng cho con mặc dù chị C không yêu cầu nhưng anh V đã tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nh mỗi tháng 745.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh V và chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Mai V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Mai V và chị Ngô Kim C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Khả Nh sinh ngày 28/4/2007 cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Mai V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Mai Khả Nh mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/7/2022) cho đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Anh Mai V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014832 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Mai V phải chịu án phí án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); anh V chưa nộp án phí cấp dưỡng cho con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh V, chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng